

Bản án số: 797 /2025/HS-ST

Ngày: 18 - 12 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Trục

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Trường Sơn

2. Ông Nguyễn Tùng

3. Ông Nguyễn Thành Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 595/2025/TLST-HS ngày 11/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4785/2025/QĐXXST-HS ngày 14/8/2025 đối với bị cáo:

Trần Thụ B; giới tính: Nam; sinh ngày: 19/11/1983; tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường B, phường A, quận S (nay là phường T), thành phố H; nơi cư trú: đường C, phường D, quận t (nay là phường C), thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần T (đã chết) và bà Phương Tứ M; có vợ và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01/11/2024; có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thụ B:

Các Luật sư Võ Thị Tuyết H, Lâm Thái S - Công ty Luật TNHH MTV P.L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Huỳnh Vĩ T1, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: đường P, phường M, quận T (nay là phường Đ), thành phố H, có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: đường A, phường L, quận B (nay là phường A), thành phố H, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đ1, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: đường L, phường C, quận T (nay là phường G), thành phố H, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị H1, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: đường B, phường T, quận S (nay là phường B), thành phố H, có mặt.

2. Ông Quan Thất C, sinh năm: 1960, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị H2; sinh năm: 1974, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện B (nay là ấp S, xã T), thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, do cần tiền để đầu tư tiền ảo Bitcoin, Trần Thụ B đã vay tiền của nhiều người (không rõ lai lịch) trên mạng xã hội với lãi suất cao để đầu tư. Sau đó, Trần Thụ B không có khả năng trả lãi, nên Trần Thụ B tìm những người quen biết hỏi vay tiền với lãi suất thấp để chi trả nợ và tiếp tục đầu tư tiền ảo Bitcoin. Trần Thụ B gặp và hỏi vay tiền của ông Huỳnh Vĩ T1, ông Nguyễn Đ1, ông Nguyễn Văn L1 và ông Lê Trung N, nhưng những người này yêu cầu Trần Thụ B phải có giấy tờ nhà đất thế chấp để làm tin thì mới cho Trần Thụ B vay tiền. Lúc này, Trần Thụ B nảy sinh ý định làm giả các Giấy tờ nhà đất, Căn cước công dân và Sổ hộ khẩu do Trần Thụ B đứng tên để thế chấp vay tiền. Sau đó, Trần Thụ B lên mạng xã hội tìm kiếm, rồi vào trang web “Sohonggia.com”, “Gaiypheplaixe247.com” đặt làm giả 04 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BY620319, Thửa đất số 516, Tờ bản đồ số 38, địa chỉ số 30, Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2019 đứng tên Trần Thụ B với giá 8.000.000 đồng/01 giấy, 03 Căn cước công dân số 079083009293 đứng tên Trần Thụ B với giá 2.500.000 đồng/01 căn cước và 01 sổ hộ khẩu đứng tên Trần Thụ B với giá 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được các giấy tờ giả trên, Trần Thụ B đem thế chấp để vay tiền của các ông Huỳnh Vĩ T1, Nguyễn Đ1, Nguyễn Văn L1 và Lê Trung N, cụ thể như sau:

1. Về hành vi chiếm đoạt tiền của ông Huỳnh Vĩ T1: Ngày 18/3/2020, Trần Thụ B đi cùng vợ là Đặng Thị H1 đến nhà ông Huỳnh Vĩ T1 tại đường P, phường M, quận T (nay là phường Đ), thành phố H hỏi vay của ông Huỳnh Vĩ T1 số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng và thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY620319 của Thửa đất số 516, Tờ bản đồ số 38, địa chỉ số 30 Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giả do Trần Thụ B đứng tên cho ông Huỳnh Vĩ T1. Ông Huỳnh Vĩ T1 tin tưởng Giấy chứng nhận Trần Thụ B thế chấp là thật, nên đồng ý cho Trần Thụ B vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi đi đến nhà ông Huỳnh Vĩ T1, Trần Thụ B nói với bà Đặng Thị H1 là Trần Thụ B vay tiền của ông Huỳnh Vĩ T1 để kinh doanh thiết bị bóng bàn, nhưng ông Huỳnh Vĩ T1 yêu cầu phải có chữ ký của vợ Trần Thụ B mới cho vay, nên bà Đặng Thị H1 đồng ý đi cùng Trần Thụ B để ký tên trên giấy mượn tiền; sau đó, Trần Thụ B viết giấy mượn tiền và cùng vợ ký tên trên giấy mượn tiền

giao cho ông Huỳnh Vĩ T1 giữ. Bà Đặng Thị H1 không biết việc Trần Thụ B thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả cho ông Huỳnh Vĩ T1. Đến ngày 18/8/2020, Trần Thụ B đem giấy mượn tiền đến chỗ bà Đặng Thị H1 bán hủ tiêu kêu bà Đặng Thị H1 ký tên vào để Trần Thụ B đi mượn tiền, thì bà Đặng Thị H1 tiếp tục ký tên, rồi Trần Thụ B đưa cho ông Huỳnh Vĩ T1 để vay thêm 200.000.000 đồng. Sau khi vay của ông Huỳnh Vĩ T1, Trần Thụ B sử dụng để đầu tư tiền ảo Bitcoin và trả tiền lãi cho người khác hết (bà Đặng Thị H1 không sử dụng số tiền này) và Trần Thụ B chưa trả tiền lãi cho ông Huỳnh Vĩ T1.

2. Về hành vi chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Đ1: Ngày 20/3/2020, Trần Thụ B đưa cho ông Nguyễn Đ1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY620319 của Thửa đất số 516, Tờ bản đồ số 38, địa chỉ số 30 Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giả, để thế chấp vay số tiền 500.000.000 đồng của ông Nguyễn Đ1 và Trần Thụ B ký giấy mượn tiền giao cho ông Nguyễn Đ1 giữ. Đến ngày 04/5/2020, Trần Thụ B tiếp tục đến tìm gặp ông Nguyễn Đ1 vay thêm 100.000.000 đồng và viết giấy xác nhận mượn tiền giao cho ông Nguyễn Đ1 giữ. Sau khi vay tiền, Trần Thụ B trả lãi cho ông Nguyễn Đ1 được 02 tháng, tổng cộng 15.000.000 đồng. Sau đó, Trần Thụ B trả tiền gốc cho ông Nguyễn Đ1 khoảng 30.000.000 đồng, rồi lần tránh không liên lạc với ông Nguyễn Đ1.

3. Về hành vi chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn L1: Ngày 05/5/2020, Trần Thụ B đến tiệm cầm đồ Đ.Đ tại đường C, phường B, quận S, thành phố H đưa cho ông Nguyễn Văn L1 (quản lý của tiệm cầm đồ Đ.Đ) 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY620319 của Thửa đất số 516, Tờ bản đồ số 38, địa chỉ số 30 Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giả để mượn của ông Nguyễn Văn L1 số tiền 150.000.000 đồng, Trần Thụ B viết giấy nhận tiền giao cho ông Nguyễn Văn L1 giữ. Đến ngày 16/5/2020, Trần Thụ B tiếp tục đến tiệm cầm đồ Đ.Đ gặp ông Nguyễn Văn L1 vay thêm số tiền 50.000.000 đồng và viết xác nhận vào giấy nhận tiền trước đó giao cho ông Nguyễn Văn L1 giữ. Ông Nguyễn Văn L1 không tính lãi suất. Trần Thụ B sử dụng số tiền mượn của ông Nguyễn Văn L1 đầu tư tiền ảo Bitcoin hết.

Ngoài ra, ngày 16/3/2020, Trần Thụ B đến nhà ông Lê Trung N tại đường Q, phường A, quận B, thành phố H thế chấp cho ông Lê Trung N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY620319 của Thửa đất số 516, Tờ bản đồ số 38, địa chỉ số 30, Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giả để vay của ông Lê Trung N 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Lê Trung N không cung cấp giấy tờ giả mà Trần Thụ B đã thế chấp và yêu cầu tự giải quyết không khiếu nại, tố giác đến Cơ quan Công an.

Ngoài việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY620319 của thửa đất số 516, tờ bản đồ số 38, địa chỉ số 30, Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giả để vay tiền của ông Huỳnh Vĩ T1, ông Nguyễn Đ1, ông Nguyễn Văn L1 và ông Lê Trung N ra, Trần Thụ B còn sử dụng Căn cước công dân giả, sổ hộ khẩu giả để thế chấp vay tiền của nhiều người khác (không rõ lai lịch).

Sau khi vay tiền của ông Huỳnh Vĩ T1, ông Nguyễn Đ1, ông Nguyễn Văn L1 và ông Lê Trung N, Trần Thụ B đầu tư vào Bitcoin và sử dụng một phần tiền vay của người sau để trả lãi cho người trước cho đến khi không còn khả năng chi trả.

Ngoài ra, Trần Thụ B còn vay tiền của ông Quan Thất C để kinh doanh dụng cụ thể thao và ông Quan Thất C đưa tiền góp vốn với Trần Thụ B để đầu tư tiền ảo Bitcoin tổng cộng là 3.300.000.000 đồng. Trần Thụ B đã chia lợi nhuận và lãi suất cho ông Quan Thất C được 600.000.000 đồng, sau đó Trần Thụ B đầu tư kinh doanh thua lỗ nên không còn khả năng trả lại tiền cho ông Quan Thất C.

Đến ngày 21/5/2020, Trần Thụ B tự nhận thấy bản thân không có khả năng chi trả nợ nên đến Công an phường B, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tự thú và khai nhận hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, vay tiền của ông Huỳnh Vĩ T1, ông Nguyễn Đ1 và ông Nguyễn Văn L1; sau đó sử dụng đầu tư tiền ảo Bitcoin đến nay không còn khả năng chi trả. Công an phường B, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận và chuyển vụ việc đến Công an quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Công an quận S, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Thụ B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 1248/KLGD-TT ngày 06/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *“Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”* đề số: BY 620319 đề tên chủ sở hữu: Trần Thụ B, Năm sinh: 1983; đề *Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh* cấp ngày 16/5/2019 là *Giấy chứng nhận giả*.

Tại Kết luận giám định số 1156/KLGD-TT ngày 30/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận:

- *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”* số BY620319, mang tên Trần Thụ B, địa chỉ thường trú số 107/34 Bãi Sậy, Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đề ngày 16/5/2019 là *giả*.

- *“Căn cước công dân”* số 079083009293, mang tên Trần Thụ B, nơi thường trú: 30 Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đề ngày 28/6/2019 là *giả*.

Tại Kết luận giám định số 3521/KL-KTHS ngày 29/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”* số BY620319 là *giả* (được làm giả bằng phương pháp in phun màu; hình dấu tròn, chữ ký mang tên Lê Thành P được đóng, ký giả trực tiếp).

Tại Kết luận giám định số 3520/KL-KTHS ngày 06/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *Chữ ký, chữ viết họ tên Trần Thụ B trên 05 tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Trần Thụ B trên 03 tài liệu so sánh do cùng một người ký, viết ra*.

Đối với vụ án “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” do đối tượng chưa rõ lai lịch thực hiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định tách vụ án tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ được xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 449/CT-VKS-P2 ngày 07/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thụ B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản

4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thụ B:

+ Từ 14 năm đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Trần Thụ B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 17 đến 20 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thụ B phải bồi thường theo yêu cầu của các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thụ B trình bày: Đồng ý với tội danh và khung hình phạt của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Trần Thụ B. Đề nghị xem xét mục đích ban đầu của bị cáo khi vay tiền không nhằm để chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã sử dụng tiền vay để đầu tư vào tiền ảo và bị lừa mất; bị cáo đã trả một phần tiền vay cho các bị hại. Sau khi không còn khả năng chi trả, bị cáo không bỏ trốn, không chối bỏ trách nhiệm và ra tự thú với cơ quan Công an thể hiện ý thức thừa hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã bồi thường một phần cho bị hại. Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Luật sư, bị cáo không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thụ B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền để đầu tư tiền ảo Bitcoin, từ ngày 18/3/2020 đến ngày 05/5/2020, bị cáo Trần Thụ B đã thực hiện hành vi gian dối bằng cách sử dụng giấy tờ giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY620319 của Thửa đất số 516, Tờ bản đồ số 38, địa chỉ 30 Đường số 9, Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên Trần Thụ B để thế chấp vay của ông Huỳnh Vĩ T1 số tiền 500.000.000 đồng, vay của ông Nguyễn Đ1 số tiền 600.000.000 đồng và vay của ông Nguyễn Văn L1 số tiền 200.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Thụ B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bà Đặng Thị H1 (vợ của Trần Thụ B) có hành vi đi cùng Trần Thụ B đến nhà của ông Huỳnh Vĩ T1, cùng Trần Thụ B ký tên trên giấy mượn tiền đưa cho ông Huỳnh Vĩ T1, nhưng bà Đặng Thị H1 không biết việc Trần Thụ B thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả cho ông Huỳnh Vĩ T1, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với số tiền 3.300.000.000 đồng, Trần Thụ B vay của ông Quan Thất C là giao dịch dân sự, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng, Trần Thụ B thế chấp Giấy chứng nhận giả để vay của ông Lê Trung N, nhưng ông Lê Trung N không cung cấp tài liệu giả và giấy vay mượn tiền, đồng thời không yêu cầu xử lý, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thụ B phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú và khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Trách nhiệm dân sự:

Ông Huỳnh Vĩ T1 yêu cầu bị cáo Trần Thụ B bồi thường 500.000.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa, ông Nguyễn Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt xác nhận bị cáo Trần Thụ B đã trả cho ông số tiền 45.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo Trần Thụ B bồi thường 555.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự ông sẽ tự thỏa thuận với bị cáo Trần Thụ B và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn L1.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của các bị hại nên ghi nhận.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Trần Thụ B, xét có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Thụ B, xét tại phiên tòa bị cáo Trần Thụ B xác định căn cước công dân này là giả nên đưa vào lưu cùng hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thụ B: 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thụ B: 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo **Trần Thụ B** chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2024.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Thụ B phải bồi thường cho các bị hại cụ thể:

- Bồi thường cho ông Huỳnh Vĩ T1 số tiền 500.000.000 đồng;

- Bồi thường cho ông Nguyễn Đ1 số tiền 555.000.000 đồng;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 Pro, màu xanh, IMEI 1: 864182041192478, IMEI 2: 864182041192460 có gắn sim số 8401190392820233WD (thực nhận 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Thụ B.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/549 ngày 01/8/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.)

Bị cáo Trần Thụ B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 43.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TAND tối cao; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Phòng PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Dương sự; | (7) |
| - THA Dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (26) | (8) |

Vũ Thanh Lâm